

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12/5/2020.

V/v tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Lan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Đỗ Thị A

Ông Trần Phú Nhuận.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo Sương – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 722/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2020; Thông báo dời phiên tòa số 722/TB-TA ngày 01/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2020/QĐHPT-ST ngày 22 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Phan Thanh T, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 612 ĐBP, Phường 1, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh G, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 612 ĐBP, Phường 1, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 29/10/2019 và lời khai tại Tòa, nguyên đơn ông Phan Thanh T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Quỳnh G tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã Thạnh Tân, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 12/02/2015.

Quá trình sống chung thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng từ năm 2018 đến nay, vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn về lối sống, quan điểm sống

cũng như mâu thuẫn với gia đình bên vợ mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, để ổn định cuộc sống ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu được ly hôn với bà G .

Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Nguyễn Trâm A, sinh ngày 15/12/2015, ông đồng ý giao con cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng và hàng tháng ông sẽ cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng, bắt đầu từ tháng 05/2020 cho đến khi trẻ thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T khai không có.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án bà G gửi văn bản đến Tòa trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà không đồng ý ly hôn vì trong thời gian chung sống ông T ngoại tình và đưa ra những lý do không hợp lý để yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Phan Nguyễn Trâm A, sinh ngày 15/12/2015, hiện đang sống với bà.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tuy nhiên, Toà án đã tiến hành triệu tập bà G đến Toà để tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng bà G đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp các tài liệu chứng cứ đối với ý kiến về việc bà không đồng ý ly hôn với ông T .

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị Tòa án căn cứ vào lời khai và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Thanh T yêu cầu ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh G cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh G vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T và bà G.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15/2015, quyển số 01/2015 do UBND xã Thạnh Tân, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 12/02/2015, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Phan Thanh T và bà Nguyễn Thị Quỳnh G là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Xét, lời trình bày của bà G, bà không đồng ý ly hôn với ông T. Mặc dù, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà đến Tòa để hòa giải nhằm gắn kết mối quan hệ vợ chồng nhưng bà không đến, cũng không cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh đối với ý kiến của bà. Do vậy, việc bà không đến Tòa cho thấy bà không còn quan tâm và mong muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với ông T nữa. Mặt khác, ông T trình bày vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên hai người đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người ở mỗi nơi không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với nhau.

Mục đích của việc xác lập hôn nhân là nhằm gắn bó quan hệ giữa người nam và người nữ trong quan hệ vợ chồng, để họ chung sống với nhau và xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Xét thấy quan hệ vợ chồng không còn, trách nhiệm giữa đôi bên với nhau không có nên tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nếu tiếp tục chung sống thì không những không đem lại niềm vui, hạnh phúc mà còn đem lại sự đau khổ cho đôi bên, tình trạng đó ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc và giáo dục con cái. Do vậy, từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Nguyễn Trâm A, sinh ngày 15/12/2015 hiện nay đang sống cùng bà G. Ông T đồng ý giao con chung cho bà Nguyễn Thị Quỳnh G trực tiếp nuôi dưỡng và hàng tháng ông T cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng, bắt đầu từ tháng 5/2020 cho đến khi trẻ thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Ông T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn và là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Thanh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Quỳnh G.

- Về con chung: Giao con chung tên Phan Nguyễn Trâm A, sinh ngày 15/12/2015 cho bà Nguyễn Thị Quỳnh G trực tiếp nuôi dưỡng. Hàng tháng ông T cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng, bắt đầu từ tháng 05/2020 cho đến khi trẻ thành niên.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông T chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014017 ngày 21/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

\* Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng ông T phải chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- UBND xã Thạnh Tân, Thạnh Trị,  
tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Phương Lan**